TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YK - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HS-ST
Ngày 20/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YK - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Công

2. Ông Lê Thanh Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YK tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Đình, Kiểm sát viên.

Ngày 20/02/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YK, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụLsố 03/2020/TLST-HS ngày 10/01/2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HS ngày 10/02/2020 đối với các bị cáo:

1. M sinh năm 1987; tại xã NP, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú thôn ĐC, xã NP, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông C và bà L; vợ con chưa có.

Tiền án: Ngày 08/9/2017 bị Tòa án nhân dân huyện YM xử phạt 18 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Tiền sự:

- Ngày 01/6/2015 bị Công an phường VG, thành phố NB xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Ngày 20/01/2016 bị Công an phường BĐ, thành phố NB xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Ngày 20/01/2019 bị Công an thành phố NB xử phạt 7.500.000 đồng về hành vi tàng trữ hàng cấm.

Về nhân thân:

- Ngày 20/5/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố NB xử phạt 24 tháng tù về tội Cướp tài sản, đến ngày 26/5/2015 chấp hành xong các quyết định của bản án.

- Ngày 31/01/2009 bị Công an phường NB, thành phố NB xử phạt 100.000

đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Ngày 19/01/2011 bị Công an tỉnh Ninh Bình xử phạt 500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Ngày 09/7/2013 bị Công an tỉnh Ninh Bình xử phạt 500.000 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Ngày 21/7/2015 bị Công an tỉnh Ninh Bình xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

- Ngày 07/12/2015 bị Công an phường Ninh Sơn, thành phố NB xử phạt Cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Ngày 28/12/2015 bị Công an tỉnh Ninh Bình xử phạt Cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/9/2019 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình; có mặt.

2. T sinh năm 1984, tại xã NP, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú thôn VT, xã NP, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông L và bà M; vợ Y và có 01 con 13 tuổi; tiền án: Không; tiền sự: Không; về nhân thân ngày 05/6/2017 bị Công an phường Thanh Bình, thành phố Ninh Bình xử phạt 750.000 đồng về hành vi xử dụng trái phép chất ma túy; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/9/2019 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình; có mặt.

3. Th sinh năm 1989, tại xã NP, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú thôn VT, xã NP, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Đ và bà C; vợ Tr và có 01 con 02 tuổi: tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người bị hại:

- Ông U sinh năm 1953; địa chỉ xóm Trại, xã KC, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- Chị L sinh năm 1965; địa chỉ xóm 9, xã KH, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- Anh Đ sinh năm 1959; địa chỉ xóm 6, xã HN, huyện KS, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Chị TL sinh năm 1980; địa chỉ xóm Thổ Tiến, xã KH, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Anh ĐH sinh năm 1988; địa chỉ phố P, phường B, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ 30 ngày 26/6/2019 T điều khiển xe mô tô Attila (không xác định được biển kiểm soat) chở M đi trên đường qua cánh đồng Gò Găng thuộc địa phận thôn Trại, xã KC; phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave biển kiểm soát 35B1-997.70 của ông U đang dựng ở bờ ruộng, không có người trông coi; M và T bàn bạc lấy chiếu xe mô tô này. T dừng xe mô tô đứng đợi ở trên đường, M đi đến dùng vam tự chế, mở ổ khóa điện rồi nổ máy điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B1-997.70 đi về nhà M ở thành phố NB. Để tránh bị phát hiện, M đã tháo biển kiểm soát của xe và lắp biển kiểm soát 35B1-081.98, sau đó M bán xe mô tô cho anh ĐH với giá 2.500.000 đồng, khi bán xe M nói xe của M bị mất giấy tờ. Số tiền bán xe M chia cho T 1.000.000 đồng, M 1.000.000 đồng, còn lại 500.000 đồng M và T mua ma túy để sử dụng.

Khoảng 10 giờ ngày 03/7/2019 T điều khiển xe mô tô Dream (không xác định được biển kiểm soát), chở M đến địa bàn xã KH với múc đích lấy trộm tài sản, khi đi đến Đền Phủ thuộc địa phận xóm 8; M và T thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave biển kiểm soát 35K1-263.85 của chị L đang dựng ở sân Đền, chìa khóa vẫn để ở ổ khóa, không có người trông coi. T dừng xe mô tô đứng đợi, M đi vào sân Đền dắt xe mô tô biển kiểm soát 35K1-263.85 ra ngoài, M mở khóa điện rồi điều khiển xe mô tô về nhà M ở thành phố NB. M và T tháo biển kiểm soát của xe ra và mang xe đến bán cho Th, M nói với Th là xe mô tô vừa trộm cắp được không có giấy tờ; Th đồng ý mua và trả cho M 3.500.000 đồng. Số tiền bán xe M chia cho T 1.500.000 đồng, M hưởng 2.000.000 đồng.

Khoảng giữa tháng 8/2019 Mđi bộ đến khu vực nhà thờ giáo họ Đường Quan thuộc địa phận xóm 13, xã Hồi Ninh, huyện Kim Sơn với mục đích lấy trộm tài sản; Mthấy có một xe mô tô nhãn hiệu CKD biểm kiểm soát 35H9-3030 của anh Đđang dựng ở sân nhà thờ, không có người trông coi; Mđi đến lấy tô vít vặn mở khóa điện, rồi điều khiển xe mô tô biểm kiểm soát 35H9-3030 về thành phố Ninh Bình, Mtháo biểm kiểm soát ra để sử dụng.

Khoảng 6 giờ 45 ngày 17/9/2019 T điều khiển xe mô tô Sirius, xe đeo biển kiểm soát 35N3-3889 chở M đến xã KH với mục đích lấy trộm tài sản. Khi đi qua quán bán thịt lợn của chị TL, M thấy có một túi xách để tại cửa sổ, M bảo T dừng xe mô tô, M đi bộ vào quán, thấy không có người, M lấy túi xách cho vào trong áo rồi đi ra. Lúc này chị TL đang đứng bên đườn cách đó khoảng 03 mét phát hiện thấy M lấy túi xách nên đã tri hô, M chạy ra xe mô tô của T rồi cả hai cùng bỏ chạy về thành phố NB. Trên đường về M lấy tiền trong túi xách kiểm tra được 3.400.000 đồng; M chia cho T 1.700.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 26/KLĐG ngày 20/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện YK kết luận "Xe mô tô Wave biển kiểm soát 35B1-997.70 trị giá 14.000.000 đồng; xe mô tô Wave biển kiểm soát 35K1-263.85 trị giá 15.000.000 đồng". Tại kết luận định giá tài sản số 55/KLĐG ngày 04/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện KS kết luận "Xe mô tô Honda CKS biểm kiểm soát 35H9-3030 trị giá 700.000 đồng".

Cáo trạng số 06/CT-VKSYK ngày 08/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân

huyện YK truy tố bị cáo M và bị cáo T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Th về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố trình bày lời luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo M và bị cáo T phạm tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo Th phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt M từ 24 tháng đến 30 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt T từ 18 tháng đến 21 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt Th từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 5% thu nhập hằng tháng của bị cáo Th trong thời gian cải tạo không giam giữ để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước**.**

- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 vam mở khóa xe, 01 ví da, 01 túi xách. Trả lại cho bị cáo M số tiền đã thu giữ là 1.548.000 đồng, trả lại cho bị cáo T số tiền đã thu giữ là 350.000 đồng; nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án. Buộc bị cáo M phải nộp lại số tiền thu lời bất chính từ việc phạm tội là 3.250.000 đồng, bị cáo T phải nộp lại số tiền thu lời bất chính từ việc phạm tội là 2.750.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo M, T và Th đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, như nội dung Cáo trạng là đúng. Nói lời sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại, người liên quan và người làm chứng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì; nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng pháp luật. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan, người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và vật chứng đã thu giữ về thời gian, địa điểm, hành vi của bị cáo và tài sản chiếm đoạt, nên có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 9 giờ 30 ngày 26/6/2019 tại cánh đồng Gò Găng, thôn Trại, xã KC; M và T thấy chiếc xe mô tô Wave biển kiểm soát 35B1-997.70 của ông U đang dựng ở bờ ruộng, M và T bàn bạc lấy chiếc xe mô tô này; M dùng vam tự chế, mở ổ khóa điện rồi nổ máy điều khiển xe mô tô đi về thành phố NB; theo kết luận định giá tài sản, trị giá xe mô tô là 14.000.000 đồng.

Khoảng 10 giờ ngày 03/7/2019 M và T đến xã KH để trộm cắp tài sản; khi đến Đền Phủ, M và T thấy chiếc xe mô tô Wave biển kiểm soát 35K1-263.85 của chị L đang dựng ở sân, M đi vào sân Đền dắt xe ra ngoài, mở khóa điện rồi điều khiển xe mô tô về thành phố NB. M và T tháo biển kiểm soát của xe ra và mang xe đến bán cho Th, M nói với Th là xe mô tô vừa trộm cắp được không có giấy tờ; Th đồng ý mua và trả cho M 3.500.000 đồng; theo kết luận định giá tài sản, trị giá xe mô tô là 15.000.000 đồng.

Khoảng giữa tháng 8/2019 tại nhà thờ giáo họ Đường Quan xóm 13, xã Hồi Ninh, huyện KS; M thấy xe mô tô CKD biểm kiểm soát 35H9-3030 của anh Đ đang dựng ở sân, M đi đến lấy tô vít vặn mở khóa điện, rồi điều khiển xe mô tô về thành phố NB, M tháo biểm kiểm soát ra để sử dụng; theo kết luận định giá tài sản, trị giá xe mô tô là 700.000 đồng.

Khoảng 6 giờ 45 phút ngày 17/9/2019 T và M đến xã KH để lấy trộm tài sản. Khi đi đến quán bán thịt lợn của chị TL, M thấy có một túi xách để tại cửa sổ, M đi bộ vào quán lấy túi xách cho vào trong áo rồi đi ra. Lúc này chị TL đang đứng bên đường phát hiện nên đã tri hô, M chạy ra xe mô tô của T rồi cả hai cùng bỏ chạy. Trên đường về M lấy tiền trong túi xách kiểm tra được 3.400.000 đồng.

Hành vi lén lút lấy và chiếm đoạt tài sản của ông U, của chị L, của chị TLvới giá trị tài sản của mỗi người đều trên 2.000.000 đồng; ngoài ra M còn lén lút lấy và chiếm đoạt tài sản của anh Đ với trị giá tài sản là 700.000 đồng, nhưng M đã bị kết án về tội Cưỡng đoạt tài sản chưa được xóa án tích, nên hành vi của bị cáo M và bị cáo T đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Th, không hứa hẹn trước với M và T, sau khi nghe M nói rõ chiếc xe mô tô Wave không có biển kiểm soát, do M trộm cắp được mang bán cho Th, Th đã đồng ý mua. Hành vi của Th đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện YK truy tố các bị cáo M và T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình và bị cáo Th về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng:

- Bị cáo M phạm tội 04 lần, nên phạm vào tình tiết tăng nặng "phạm tội 02 lần trở lên", năm 2017 đã bị Tòa án kết án về tội Cưỡng đoạt tài sản, chưa được xóa án tích, mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên phạm vào tình tiết tăng nặng

“tái phạm”; các tình tiết tăng nặng được quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo T phạm tội 03 lần, nên phạm vào tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm h khoảng 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Th không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ:

- Các bị cáo M và T đều “Thành khẩn khai báo” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Th “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vào giá trị tài sản chiếm đoạt; vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Đối với bị cáo M là người nghiện ma túy, đã 09 lần bị xử lý hành chính về hành vi liên quan đến ma túy; 02 lần bị kết án tù về tội chiếm đoạt tài sản; nhưng M vẫn không sửa chữa được hành vi của mình, vẫn tiếp tục đi vào con đường phạm tội. Do vậy, cần phải áp dụng hình phạt tù và với mức án nghiêm minh đối với bị cáo để tiếp tục cải tạo, giáo dục bị cáo.

- Đối với bị cáo T, cũng nghiện ma túy, đã bị xử lý hành chính về hành vi xử dụng trái phép chất ma túy. Do vậy, cũng cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, có như vậy mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo.

- Đối với bị cáo Th phạm tội ít nghiêm trọng, có nhân thất tốt, có 03 tình tiết giảm nhẹ, bị cáo phạm tội do hám lợi, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; do vậy, xét thấy không cần thiết phải cách ly Th ra khỏi đời sống xã hội, nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục là phù hợp. Khấu trừ 5% thu nhập hằng tháng của bị cáo Th trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách Nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Ông U, chị L, chị TL đều đã nhận lại tài sản do các bị cáo chiếm đoạt, tại phiên tòa ông U, chị L, chị TL đêu trình bày không có yêu cầu gì thêm; nên Tòa án không xem xét giải quyết về trách nhiệm dân sự.

- Anh ĐH trả tiền mua xe mô tô cho M là 2.500.000 đồng, tại biên bản làm việc với Cơ quan điều tra Công an huyện YK ngày 13/12/2019 anh ĐH trình bày không yêu cầu gì; nên Tòa án không giải quyết về trách nhiệm dân sự.

[7] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã thu giữ 01 xe mô tô Wave số máy 4056950 số khung 056882; 01 xe mô tô Wave số máy 349993 số khung 349956; 01 xe mô tô CKD số máy 475711 số khung 475711; 01 xe mô tô Sirius số máy 5063024044 số khung RLCS5C630-7Y024044; 01 xe mô tô Wave số máy 5684475 số khung 684375; các biển kiểm soát 35B1-997.70, 35K1-263.85, 35H9-3030, 18D1-306.71, 35B1-081.98, 29P-0456, 35N3-3889; 01

ví da; 01 túi xách; 01 vam mở khóa xe bằng kim loại và tổng số tiền là 5.298.000 đồng (trong đó của Mlà 3.248.000 đồng, của Tlà 2.050.000 đồng).

- Xe mô tô Wave số máy 4056950 số khung 056882 và biển kiểm soát biển kiểm soát 35B1-997.70 là tài sản của ông U; xe mô tô Wave số máy 349993 số khung 349956 và biển kiểm soát 35K1-263.85 là tài sản của chị L; xe mô tô CKD số máy 475711 số khung 475711 và biển kiểm soát 35H9-3030 là tài sản của anh Đ; Cơ quan cảnh sát điều tra đã đã lại cho chủ sở hữu là đúng pháp luật.

- Xe mô tô Sirius số máy 5063024044 số khung RLCS5C630-7Y024044 và biểm kiểm soát 35N3-3889; xe mô tô Wave số máy 5684475 số khung 684375 và biển kiểm soát 18D1-306.71 là vật chứng trong vụ án khác, nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã chuyển cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

- Biển kiểm soát 35B1-081.98 và biển kiểm soát 29P-0456 do chưa xác định được, nên Cơ quan cảnh sát điều tra tách ra để tiếp tục xác minh, xử lý sau.

- 01 vam mở khóa xe bằng kim loại là phương tiện phạm tội, 01 ví da thu giữ của M, 01 túi xách là tài sản của chị TL; các tài sản trên không còn giá trị, M và chị TL đều không yêu cầu trả lại, nên tịch thu tiêu hủy.

- Về số tiền 5.298.000 đồng (trong đó của M là 3.248.000 đồng, của T là 2.050.000 đồng), Cơ quan điều tra đã trả cho chị TL là 3.400.000 đồng (gồm phần của M là 1.700.000 đồng, phần của T là 1.700.000 đồng). Số tiền còn lại là 1.898.000 đồng (trong đó của M là 1.548.000 đồng, của T là 350.000 đồng); tại phiên tòa M và T đều khai số tiền còn lại là tiền riêng của các bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội; nên trả lại cho M và T.

- Số tiền 3.500.000 đồng Th sử dụng vào việc phạm tội mua xe mô tô của M, trong đó M chiếm hưởng 2.000.000 đồng, T chiếm hưởng 1.500.000 đồng, buộc M và T nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Số tiền 2.500.000 đồng anh ĐH sử dụng để mua xe mô tô của M, trong đó M chiếm hưởng là 1.000.000 đồng, T chiếm hưởng là 1.000.000 đồng còn lại 500.000 đồng M và T khai đã sử dụng mua ma túy để sử dụng chung; tại biên bản làm việc với Cơ quan điều tra ngày 13/12/2019 anh ĐH trình bày không yêu cầu gì, do vậy số tiền này M và T thu lời bất chính từ việc phạm tội, nên buộc M và T phải nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Tổng số tiền buộc M nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là 3.250.000 đồng, tổng số tiền T nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là 2.750.000 đồng.

[8] Trong vụ án này anh ĐH đã mua xe mô tô biển kiểm soát 35B1-997.70 của M, nhưng do anh ĐH không biết xe do phạm tội mà có nên hành vi của anh ĐHkhông có dấu hiệu tội phạm.

[9] Về án phí: Các bị cáo M, Tvà Th đều bị xử có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo M và bị cáo T phạm tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo Th phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: M 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 18/9/2019.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: T 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 18/9/2019.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Th 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Khấu trừ 5% thu nhập hằng tháng của bị cáo Th trong thời gian cải tạo không giam giữ để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Th cho Ủy ban nhân dân xã NP, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình; giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Th có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp các bị cáo Th thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

5. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho M số tiền đã thu giữ là 1.548.000 đồng, trả lại cho T số tiền đã thu giữ là 350.000 đồng; Toàn bộ số tiền đang trong tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YK, số tài khoản 3949.0.1055132.00000 tại Kho bạc Nhà nước huyện YK, theo ủy nhiệm chi số 06 ngày 17/02/2020 của Công an huyện YK; nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy 01 vam mở khóa xe bằng kim loại, 01 ví da, 01 túi xách; vật chứng có đặc điểm tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/02/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện YK với Chi cục Thi hành án dân sự huyện YK.

- Buộc bị cáo M phải nộp lại số tiền thu lời bất chính từ việc phạm tội là 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo T phải nộp lại số tiền thu lời bất chính từ việc phạm tội là 2.750.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc các bị cáo M, T và Th mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo M, T, Th và người bị hại là ông U, chị L, chị TL có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại là anh Đ và người liên quan là anh ĐH có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Đều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện YK
- Công an huyện YK
- Bị cáo,
- Người bị hại;
- Người liên quan
- TLhồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Lực